TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2017
" *V/v: Ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ngô Trọng Búp
2. Ông: Y Đo Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông: Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai thụ lý vụ án số 64/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Kiềng Thị D, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn 02, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – chị D có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975. Địa chỉ: thôn 02, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – anh N vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Kiềng Văn L, sinh năm 1961. Địa chỉ: thôn 02, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các lời khai của nguyên đơn chị Kiềng Thị D trình bày:*

Chị D và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh N thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập chị D. Kể từ năm 2014, chị D và anh N không còn sống chung với nhau, chị D hiện nay đã vào tỉnh Bình Dương để sinh sống. Cho đến nay cuộc

sống chung của chị và anh N không thể tái diễn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Chị D và anh N có hai con chung Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 14/12/2011 và Nguyễn Kiều Nguyệt N, sinh ngày 19/01/2013. Do hiện nay cuộc sống của chị D chưa ổn định nên chị nhường quyền nuôi con chung cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Nguyễn Văn N không hợp tác, từ chối làm việc và không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung, bị đơn trong vụ kiện từ chối làm việc, thủ tục niêm yết đảm bảo theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, nên cần chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn N từ chối làm việc, Tòa án đã tiến hành lập biên bản, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiềng Thị D và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn, nên vợ chồng đã không chung sống với nhau một thời gian dài. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị D được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị D và anh N có hai con Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 14/12/2011 và Nguyễn Kiều Nguyệt N, sinh ngày 19/01/2013. Hiện tại các con đang sống cùng anh N, anh N vẫn đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của các con, chị D hiện chưa có nơi ở ổn định. Nên HĐXX cần căn cứ khoản 2 Điều

81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con sau khi vợ chồng ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Kiềng Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho anh N nuôi con Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 14/12/2011 và Nguyễn Kiều Nguyệt N, sinh ngày 19/01/2013 cho đến khi con thành niên(đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Kiềng Thị D chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004461 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
-TAND tỉnh ĐăkLăk;
-VKSND huyện M'Đrăk;
-THADS huyện M'Đrăk;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Võ Đức Hợi